

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng A Hý
2. Ông Khoàng Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Khở - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cà Thị T, sinh năm: 1984, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Lý Văn V, sinh năm: 1979, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H 2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 03, Trại giam Y (địa chỉ: xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị T và anh Lý Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Thời gian

đầu kết hôn, chị T và anh V chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 02/2015 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh V nghiện chất ma túy, không tu trí làm ăn. Từ khi sống ly thân, vợ chồng chị không ai quan tâm đến ai, hôn nhân không hạnh phúc. Bên cạnh đó, ngày 23/11/2022 anh V bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 04/2022/HS-ST, hiện anh V đang chấp hành án tại Trại giam Y, Bộ Công an. Đến nay, chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Chị T và anh V có 01 con chung chưa thành niên là cháu Lý Quỳnh L, sinh ngày 26/10/2014. Kể từ khi chị T và anh V sống ly thân đến nay, cháu Lý Quỳnh L sống cùng với chị T. Do anh V nghiện chất ma túy, đang phải chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện nuôi dưỡng con. Chị T có thu nhập ổn định từ việc làm ruộng và làm thuê, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó cháu Lan cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (đơn nguyện vọng ngày 13/02/2023). Do đó, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và bản tự khai của anh Lý Văn V ngày 08/3/2023 (có xác nhận của Trại giam Y), anh Lý Văn V có lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị T kết hôn tự nguyện vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh V vi phạm pháp luật phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Y, Cục C10, Bộ Công an. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh V cũng nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh V và chị T có 01 con chung là cháu Lý Quỳnh L, sinh ngày 26/10/2014, hiện cháu đang ở với chị T, anh V cũng nhất trí để chị T nuôi con, do anh V đang chấp hành hình phạt tù và là người nghiện chất ma túy nên không đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh V không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện N như sau: Chị T và anh V đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/8/2014 và đã có 01 con chung chưa thành niên. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân, chị T sống tại bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên còn anh V sống tại bản H 2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh V nghiện chất ma túy, đang phải đi chấp hành hình

phạt tù tại Trại giam Y. Hiện tại vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn, con chung là cháu Lý Quỳnh L hiện đang sống cùng chị T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Cà Thị T được ly hôn anh Lý Văn V; giao con chung là cháu Lý Quỳnh L, sinh ngày 26/10/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Cà Thị T, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị T khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Lý Văn V có nơi cư trú tại bản H 2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, do anh V đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Y, Cục C10, Bộ Công an (địa chỉ: Xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La), Tòa án nhân dân huyện N đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La lấy lời khai của anh V theo quy định tại Điều 97 và Điều 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự, và vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V gồm: các thông báo, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh V đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Chị T là nguyên đơn và anh V là bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị T và anh V là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do anh V nghiện chất ma

túy, không tu trí làm ăn, không chăm lo gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 02/2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến ngày 23/11/2022 anh V bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Y. Giữa chị T và anh V không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T xin ly hôn với anh V là có căn cứ và cũng phù hợp với ý kiến của anh V. Để đảm bảo quyền lợi cho chị T, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh V có 01 con chung chưa thành niên là cháu Lý Quỳnh L, sinh ngày 26/10/2014, kể từ khi sống ly thân cháu Lan sống cùng với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, cháu Linh đã trên 7 tuổi và cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị T có nghề nghiệp chính là làm ruộng, ngoài ra chị còn đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cháu Linh. Mặt khác, anh V nghiện chất ma túy, hiện đang chấp hành hình phạt tù không đủ điều kiện để nuôi con và anh V cũng có ý kiến nhất trí với nguyện vọng của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao con chung là cháu Lý Quỳnh L, sinh ngày 26/10/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Cà Thị T có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Cà Thị T được ly hôn với bị đơn anh Lý Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là Lý Quỳnh L, sinh ngày 26/10/2014 cho chị Cà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng KTNV& THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phạm Thị Sao

